

TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN TB  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N2  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST  
Ngày: 31 – 5 – 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán tài sản

N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N2  
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm N dân:*

- Ông Ngô Văn Khon;
- Ông Phạm Văn Liệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án N dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện TB tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/5/2024, tại trụ sở Tòa án N dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Phan Hiền N, sinh năm 1981 – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L. Địa chỉ: Số 832, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đặng Chí H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 2, xã TM, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 13/10/2023).

2. **Bị đơn:**

2.1. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1956;

2.2. Nguyễn Thị N2, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Đặng Chí H trình bày:

Vợ chồng ông B, bà N2 có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông Phan Hiền N –

Chủ hộ kinh doanh Tuyết L. Tính đến ngày 01/4/2016, ông bà còn thiếu số tiền 78.320.000 đồng, có lập biên nhận nợ do ông bà ký tên. Từ ngày 01/4/2016 đến nay, ông bà không có trả khoản tiền nợ còn lại nào cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L mặc dù đã được nhiều lần nhắc nhở.

Theo đơn khởi kiện, ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L yêu cầu ông B, bà N2 trả tiền mua bán tài sản còn nợ với tiền gốc 78.320.000 đồng, tiền lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/4/2016 đến ngày 17/10/2023 là 57.840.000 đồng, tổng cộng 136.140.000 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 17/10/2023 của số tiền 136.140.000 đồng đến khi trả xong.

Tại phiên tòa, ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L yêu cầu ông B, bà N2 trả tiền mua bán tài sản còn nợ với tiền gốc 78.320.000 đồng, rút yêu cầu trả tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị N2 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có văn bản ghi ý kiến về việc ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L yêu cầu trả tiền mua bán tài sản còn nợ, và đều vắng mặt không lý do.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của đương sự:* Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, cần rút kinh nghiệm.

*Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B, bà N2 có trách nhiệm trả cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L tiền mua bán tài sản còn nợ là 78.320.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị N2 có địa chỉ tại xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện TB theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông B, bà N2 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà N2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L

về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị N2 có trách nhiệm trả số tiền mua bán tài sản còn nợ 78.320.000 đồng. Rút yêu cầu trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/4/2016 đến ngày 17/10/2023 là 57.840.000 đồng, tổng cộng 136.140.000 đồng, và lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 17/10/2023 của số tiền 136.140.000 đồng đến khi trả xong.

Việc thỏa thuận mua bán tài sản giữa ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L với ông B, bà N2 là hoàn toàn tự nguyện. Ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L trình bày, tính đến ngày 01/4/2016, Cửa hàng Tuyết L có bán phân bón và thuốc trừ sâu cho ông B, bà N2 để ông bà làm ruộng còn nợ lại số tiền là 78.320.000, nhưng đến nay ông B, bà N2 vẫn chưa trả được khoản tiền nào. Căn cứ giấy ghi nợ ngày 28/3/2015 thể hiện nội dung, vào ngày 01/4/2016 ông B bà N2 còn nợ số tiền 103.320.000 đồng đã trả 25.000.000 đồng nên còn nợ 78.320.000 đồng.

Đối với ông B và bà N2, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa ông bà đều không có ý kiến phản bác, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và pH chịu hậu quả pháp lý có nghĩa vụ đáp ứng các yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể ông B và bà N2 có trách nhiệm trả cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L số tiền mua bán tài sản còn nợ là 78.320.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L yêu cầu ông B, bà N2 có trách nhiệm trả số tiền mua bán tài sản còn nợ là 78.320.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/4/2016 đến ngày 17/10/2023 là 57.840.000 đồng tổng cộng 136.140.000 đồng, và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 17/10/2023 số tiền 136.140.000 đồng đến khi trả xong, do ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của ông.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng nên bà Đẹp pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L.

Buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị N2 có trách nhiệm trả cho ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L số tiền mua bán tài sản còn nợ là 78.320.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L về yêu cầu ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị N2 trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/4/2016 đến ngày 17/10/2023 là 57.840.000 đồng tổng cộng 136.140.000 đồng, và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 17/10/2023 số tiền 136.140.000 đồng đến khi trả xong.

Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị N2 chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.916.000 đồng.

Trả cho ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.404.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000401 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Nữ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Ngô Văn Khon – Phạm Văn Liệt**

**Trần Xuân Nữ**

